TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HS-ST
Ngày 29 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Nghĩa**
Các Hội thẩm nhân dân : Ông **Mai Gia Cát**
Bà **Văn Thị Lệ Văn**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa***: Ông **Nguyễn Đăng Quang** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 70/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2020, đối với:

- *Các bị cáo*:

1. Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1999, tại Khánh Hòa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã N, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: Khu đô thị H, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Nguyễn Thị H; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 27/6/2019; Tạm giam ngày 06/7/2019: Có mặt.

2. Lê Thanh L, sinh năm 1988, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thành C và bà Đoàn Thị N; Có vợ và ba con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 27/6/2019; Tạm giam ngày 06/7/2019: Có mặt.

3. Võ Thành N, sinh năm 1993, tại Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thị xã A, Gia Lai; Nơi cư trú: Phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn T và bà Đỗ Thị Tr; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 27/6/2019; Tạm giam ngày 06/7/2019: Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông **Huỳnh Văn Thành**, Luật sư, Công ty Luật TNHH một thành viên A Tịnh, Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ: 14G Khúc Thừa Dụ, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa: Vắng mặt;

- *Người làm chứng*:

1. Phạm Cao Hiếu T: Vắng mặt;
2. Nguyễn Minh Ch: Vắng mặt;
3. Đoàn Tuấn A: Vắng mặt;
4. Dương Gia A: Vắng mặt;
5. Nguyễn Thành L: Vắng mặt;
6. Trịnh Công S: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền và có ma túy để sử dụng, từ đầu năm 2019, Nguyễn Thị Phương L đã nhiều lần mua ma túy của Trịnh Công S để bán lại. Ngày 12/6/2019, Trịnh Công S bị bắt, L mất nguồn mua ma túy nên nói với Lê Thanh L về việc tìm nguồn mua ma túy để phân lẻ bán lại và thuê người bán để tránh bị phát hiện. Thanh L đồng ý và rủ Võ Thành N giúp L bán ma túy.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, L đưa 47.000.000đ cho Thanh L để mua ma túy. Thanh L liên lạc với người tên K và chuyển tiền vào tài khoản số 060106190261 của Trương Thị Hồng N tại Ngân hàng Sacombank (qua dịch vụ gửi tiền của Viettel) mua 50g ma túy "khay". Khoảng 09 giờ ngày 22/6/2019, Thanh L nhận được 50g ma túy mang về phòng trọ nơi L thuê và phân lẻ để L trực tiếp ngồi bán hàng ngày (tại quán nước khu vực gần chợ Đầm) đồng thời giao cho N bán cho nhiều người khác.

Từ khoảng 21 giờ ngày 22/6/2019 đến sáng ngày 24/6/2019, L đã 03 lần điện thoại cho N báo số điện thoại người mua ma túy để N liên hệ bán hết 10 chấm ma túy "khay" với giá 10.000.000đ cho nhiều người (chưa rõ lai lịch) tại các khu vực quán sinh tố khu vực chợ Đầm, trước khu vực Tháp Bà Ponaga và trên đường Trần Nhật Duật. N đã được L trả công 1.600.000đ.

Từ khoảng 23 giờ ngày 25/6/2019 đến rạng sáng ngày 27/6/2019, L đưa ma túy cho N và 05 lần điện thoại cho N biết nơi bán ma túy, nhắn tin cho N số điện thoại của người mua để N trực tiếp bán 05 viên ma túy "lắc", 04 bịch nửa hộp 5 ma túy "khay" và 01 chấm ma túy "khay" cho nhiều người tại các khu vực ngã ba đường Bạch Đằng - Nguyễn Thiện Thuật, trên đường Yết Kiêu, tại khu vực chợ Xóm Mới và trên đường Trần Thị Tính. Tổng cộng số tiền bán ma túy N đưa cho L là 20.000.000đ, N được L trả công 1.000.000đ.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, L tiếp tục đưa cho Thanh L 20.000.000đ để mua 100 viên ma túy "lắc". Thanh L gửi tiền cho K với phương thức như trước và được K gửi 100 viên ma túy "lắc" từ thành phố Hồ Chí Minh về Nha Trang cho Thanh L qua hãng xe Phương Nam. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 27/6/2019, Thanh L nhắn tin cho N hình ảnh mã nhận hàng để N đến nhà xe Phương Nam (tại 03 Nguyễn Chánh, phường Lộc Thọ, Nha Trang) nhận ma túy do K gửi mang về cho Thanh L.

Khoảng 18 giờ ngày 27/6/2019, sau khi N nhận ma túy do K gửi cho Thanh L thì bị Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Nha Trang phát hiện và thu giữ của N 01 hộp giấy bên ngoài có dán băng keo màu vàng ghi thông tin "Lộc 078 277757 (Nha Trang)" bên trong có 100 viên nén hình tròn, màu xanh có khối lượng 34,4124g (được Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa và Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định và kết luận là ma túy loại MDMA).

Tiến hành khám xét nơi ở của L, Cơ quan điều tra phát hiện và thu giữ bịch nilon có chứa chất bột nén màu trắng có tổng khối lượng 2,8451g (được Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa và Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định và kết luận là ma túy loại Tiletamine).

Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 xe máy hiệu Sirius biển kiểm soát 81M1-03390, 01 điện thoại Iphone vỏ màu vàng (thuê bao số 0989156835), 01 điện thoại Nokia vỏ màu đen (thuê bao số 0788943799) và số tiền 2.100.000đ của Võ Thành N; 1.000.000đ và 01 điện thoại Iphone vỏ màu vàng (thuê bao số 0905011179) của Lê Thanh L; 01 điện thoại Iphone vỏ màu vàng (thuê bao số 0899063351); 01 điện thoại Nokia vỏ màu đen (thuê bao số 0798442413) và số tiền 5.000.000đ của Nguyễn Thị Phương L.

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKSKH-P1 ngày 10 tháng 3 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố Nguyễn Thị Phương L, Lê Thanh L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự và Võ Thành N về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Nguyễn Thị Phương L khai nhận: L bắt đầu sử dụng ma túy từ năm 2017. Từ đầu năm 2019, L nhiều lần mua ma túy của Trịnh Công S bán lại cho nhiều người. Sau khi S bị bắt, bị mất nguồn ma túy nên L bàn với Thanh L việc mua ma túy về bán lại, thuê người bán ma túy. L đã đưa tiền cho Thanh L mua ma túy và đã trực tiếp bán ma túy đồng thời thuê N bán ma túy như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Lê Thanh L khai nhận việc mua ma túy về phân lẻ cho L bán và thuê N giúp L bán ma túy như lời khai của L.

Võ Thành N khai đã giúp L bán ma túy để được nhận tiền công như nội dung bản Cáo trạng.

Tại cơ quan điều tra, Dương Gia A khai nhận đã hai lần mua ma túy của Nguyễn Thị Phương L để sử dụng vào ngày 08/6/2019 và ngày 15/6/2019.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Thị Phương L, Lê Thanh L; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Thị Phương L; Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với Võ Thành N, xử phạt tù Nguyễn Thị Phương L từ 15 năm 06 tháng đến 16 năm 06 tháng, Lê Thanh L từ 15 đến 16 năm, Võ Thành N từ 15 đến 16 năm. Kiểm sát viên còn đề nghị tịch thu sung công quỹ số tiền và các tài sản (điện thoại, xe máy) thu giữ của các bị cáo, truy thu số tiền 2.600.000đ bị cáo N có được do bán ma túy.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đều trình bày đã rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình và mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bào chữa đều không có ý kiến khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bào chữa cho các bị cáo vắng mặt tại phiên tòa nhưng các bị cáo đều đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa đều đã có lời khai tại cơ quan điều tra. Vì vậy, phiên tòa được tiến hành xét xử vắng mặt người bào chữa, người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 291 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập được; Đã đủ cơ sở xác định: Nguyễn Thị Phương L đã nhiều lần mua ma túy của Trịnh Công S về bán lại và hai lần đưa tiền cho Lê Thanh L mua ma túy về bán lại. Lê Thanh L đã hai lần mua ma túy cho L bán và rủ Võ Thành N giúp Thanh L nhận ma túy, giúp L bán ma túy. Võ Thành Nhân đã nhận ma túy giúp Thanh L và nhiều lần giúp L bán ma túy để được trả tiền công. Số ma túy thu giữ được từ Võ Thành N nhận giùm cho Thanh L là 34,4124g MDMA. Số ma túy thu giữ tại nơi ở của L là 2,8451g Tiletamine.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về mua bán chất ma túy. Cáo trạng của Viện kiểm

sát truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Phương L, Lê Thanh L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Thành N về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ.

[4] Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 bộ luật Hình sự. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị Phương L là gia đình có công với nước nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào mức hình phạt quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng với từng bị cáo, mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Vật chứng vụ án là các mẫu vật còn lại sau giám định thuộc chất cấm tàng trữ, lưu hành và vật dụng khác thu giữ của các bị cáo không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền và các tài sản (điện thoại di động, xe máy) thu giữ của các bị cáo và số tiền 2.600.000đ bị cáo N có được do phạm tội cần tịch thu sung công quỹ.

[6] Do không rõ tình hình tài sản của các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.1. Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Nguyễn Thị Phương L 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ (27/6/2019).

1.2. Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Lê Thanh L 16 (mười sáu) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ (27/6/2019).

1.3. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Nguyễn Thành N 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ (27/6/2019).

2. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Các vật chứng đã thu giữ (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/3/2020 giữa Cơ quan điều tra và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa) được xử lý như sau:

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

- Khối lượng ma túy còn lại sau giám định trong 01 (một) phong bì mặt trước ghi vụ 360/GĐTP/2019, mẫu vật còn lại sau giám định ký hiệu A: 33,9200gam, mặt sau có chữ ký niêm phong của thượng tá Nguyễn Khắc Huy, Nguyễn Ngọc Thanh Trúc và hình dấu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa.

- 01 hộp giấy bên ngoài có dán băng keo màu vàng kích thước (12x12)cm và có ghi thông tin "Lộc 0782777757" (thu giữ của Võ Thành N);

2.2. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- Vật chứng thu giữ của Nguyễn Thành N: 01 (một) điện thoại Iphone vỏ màu vàng, sử dụng số thuê bao 0989156835 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 (một) điện thoại Nokia vỏ màu đen, sử dụng số thuê bao 0788943799 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 (một) xe moto hiệu Sirius màu trắng đen, biển kiểm soát 81M1-03390 (đã qua sử dụng).

- Vật chứng thu giữ của Nguyễn Thị Phương L: 01 (một) điện thoại Iphone vỏ màu vàng, sử dụng số thuê bao 0899063351 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 (một) điện thoại Nokia vỏ màu đen, sử dụng số thuê bao 0798442413 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong); Nhiều bịch nilon có khóa khằn miệng bên trong không đựng gì.

- Vật chứng thu giữ của Lê Thanh L: 01 (một) điện thoại Iphone vỏ màu vàng, sử dụng số thuê bao 0905011179 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).

- Số tiền 8.100.000đ thu giữ của các bị cáo đã nộp vào tài khoản Văn phòng Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 1098972 ngày 19/3/2020 của Phòng thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Khánh Hòa).

3. Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự,

Tịch thu của Võ Thành N 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) để sung công quỹ nhà nước.

4. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Các bị cáo Nguyễn Thị Phương L, Lê Thanh L, Nguyễn Thành N - mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh KH;
- CA tỉnh KH;
- THADS tỉnh KH;
- Sở TP tỉnh KH;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Vụ GĐKT 1;
- Các bị cáo;
- Lưu án văn VP;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
((Đã ký)
Bùi Thị Nghĩa